



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo của Ban Điều hành**

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Doanh nghiệp số

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008

ngày 29 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 29 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(tới ngày 1/12/2023)
kiêm Kế toán Trưởng
(tới ngày 1/7/2023)

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Tỉnh Đắk Lắk, ngày 26 tháng 2 năm 2024 *[Signature]*

120
HI N
VG
KP
PH



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

12-0
HAI
TY T
MC
HỒ C



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-04-0010-24-4



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		638.196.128.380	560.694.365.457
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	139.302.483.590	42.236.929.002
Tiền	111		13.937.483.590	42.236.929.002
Các khoản tương đương tiền	112		125.365.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	223.614.397.881	220.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		223.614.397.881	220.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.955.209.577	36.615.118.344
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7(a)	47.713.620.480	26.958.532.147
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.921.070.177	6.675.132.391
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.396.362.581	4.057.350.814
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7(c)	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		152.668	99.321
Hàng tồn kho	140	9	213.590.692.531	255.202.412.078
Hàng tồn kho	141		213.590.692.531	255.202.412.078
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.733.344.801	6.639.906.033
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.090.875.460	6.635.994.798
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.036.806	-
Thuế phải thu Nhà nước	153		566.432.535	3.911.235



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		378.370.601.329	417.801.755.726
Tài sản cố định	220		313.485.914.251	351.345.305.069
Tài sản cố định hữu hình	221	10	312.145.595.967	350.745.608.098
Nguyên giá	222		1.559.595.458.028	1.548.923.258.418
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.247.449.862.061)	(1.198.177.650.320)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.340.318.284	599.696.971
Nguyên giá	228		2.396.636.190	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.056.317.906)	(879.939.219)
Bất động sản đầu tư	230	12	6.468.024.160	6.827.305.204
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.327.813.911)	(2.968.532.867)
Tài sản dở dang dài hạn	240		215.135.327	393.352.508
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	215.135.327	393.352.508
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	975.860.000	975.860.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	975.860.000
Tài sản dài hạn khác	260		57.225.667.591	58.259.932.945
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	55.214.635.057	54.601.248.074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.011.032.534	3.658.684.871
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.016.566.729.709	978.496.121.183

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		418.188.480.601	371.804.416.662
Nợ ngắn hạn	310		400.972.817.929	346.109.516.829
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	48.269.455.761	27.934.323.473
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.492.102.865	4.219.667.161
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	153.315.496.997	184.086.355.336
Phải trả người lao động	314		31.862.629.576	24.927.333.878
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.816.562.421	1.262.698.829
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	25.026.790.503	24.417.885.258
Vay ngắn hạn	320	18	129.000.000.000	70.372.217.971
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	8.189.779.806	8.889.034.923
Nợ dài hạn	330		17.215.662.672	25.694.899.833
Phải trả dài hạn khác	337		8.007.500.000	7.488.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	9.208.162.672	18.206.399.833
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		598.378.249.108	606.691.704.521
Vốn chủ sở hữu	410	21	598.378.249.108	606.691.704.521
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	104.364.593.485	94.146.756.834
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		195.534.940.930	214.066.232.994
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		150.206.621.946	108.265.343.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		45.328.318.984	105.800.889.954
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.016.566.729.709	978.496.121.183

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.319.935.158.211	1.387.352.461.073
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	17.529.091	12.696.296
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.319.917.629.120	1.387.339.764.777
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	978.468.584.408	1.014.111.752.802
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		341.449.044.712	373.228.011.975
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	22.504.336.675	15.840.438.098
Chi phí tài chính	22		4.313.513.911	4.512.057.118
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.207.245.596	4.448.060.308
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	60.256.500	-
Chi phí bán hàng	25	29	77.618.675.463	74.443.111.897
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	87.722.910.147	79.515.542.917
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		194.358.538.366	230.597.738.141
Thu nhập khác	31		2.142.984.364	3.147.036.292
Chi phí khác	32		842.740.269	2.138.632.567
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.300.244.095	1.008.403.725
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		195.658.782.461	231.606.141.866
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	39.733.960.872	46.693.836.888
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.647.652.337	177.561.781
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		154.277.169.252	184.734.743.197

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển từ trang trước)	60	154.277.169.252	184.734.743.197
Phân bổ:			
Cổ đông của công ty mẹ	61	154.277.169.252	184.734.743.197
Lãi trên cổ phiếu			(Đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 33	4.362	5.276

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	195.658.782.461	231.606.141.866
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	50.835.761.696	50.818.332.230
Các khoản dự phòng	03	(489.921.354)	(1.942.520.081)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(15.101.001)	(18.956.221)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.579.325.058)	(15.677.626.628)
Phần lãi trong công ty liên kết		(60.256.500)	-
Chi phí lãi vay	06	4.207.245.596	4.448.060.308
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	227.557.185.840	269.233.431.474
Biến động các khoản phải thu	09	(20.937.392.812)	3.451.095.540
Biến động hàng tồn kho	10	41.611.719.547	(66.615.565.714)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(13.545.681.389)	(10.780.926.874)
Biến động chi phí trả trước	12	1.931.732.355	(2.104.642.635)
		236.617.563.541	193.183.391.791
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.149.272.222)	(4.322.376.113)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.384.376.215)	(34.366.390.286)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.264.931.359	1.100.615.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.316.126.182)	(27.109.000.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	162.032.720.281	128.486.239.697
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(6.366.682.533)	(27.781.024.325)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	163.636.364	172.727.273
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(436.614.397.881)	(530.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	433.000.000.000	525.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	20.457.970.246	15.162.868.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.640.526.196	(17.445.428.115)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	872.360.099.338	925.265.806.198
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(813.732.317.309)	(931.893.588.227)
Tiền chi trả cổ tức	36	(134.250.574.919)	(107.660.120.949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(75.622.792.890)	(114.287.902.978)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	97.050.453.587	(3.247.091.396)
Tiền đầu năm	60	42.236.929.002	45.465.064.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	15.101.001	18.956.221
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	139.302.483.590	42.236.929.002

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2023	1/1/2023
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có 492 nhân viên (1/1/2023: 490 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	803.088.911	1.492.860.053
Tiền gửi ngân hàng	13.134.394.679	40.744.068.949
Các khoản tương đương tiền (*)	125.365.000.000	-
	139.302.483.590	42.236.929.002

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi được gửi bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm từ 4,1% đến 4,5% (1/1/2023: Không).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,1% đến 9,3% (1/1/2023: từ 5,5% đến 10,7%).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023 và 1/1/2023			Giá trị hợp lí VND
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	
Đầu tư vào công ty liên kết				
• Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	120.513	20%	975.860.000	(*)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	42.265.734.352	22.658.528.190
Các khách hàng khác	5.447.886.128	4.300.003.957
	47.713.620.480	26.958.532.147

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	42.265.734.352	22.658.528.190
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	227.945.610

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.075.996.329	2.362.496.330
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.286.500.001)
	1.075.996.329	1.075.996.329

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	260.625.838.207	1.256.295.171.590	23.379.520.118	7.380.249.669	1.242.478.834	1.548.923.258.418
Tăng trong năm	333.077.000	4.495.785.173	50.060.000	668.310.744	-	5.547.232.917
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.385.522.627	3.781.543.136	-	-	-	6.167.065.763
Thanh lý	-	-	(551.989.122)	-	-	(551.989.122)
Xóa sổ	-	(232.497.508)	(242.454.545)	-	(15.157.895)	(490.109.948)
Số dư cuối năm	263.344.437.834	1.264.340.002.391	22.635.136.451	8.048.560.413	1.227.320.939	1.559.595.458.028
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	144.435.390.119	1.029.091.011.067	17.644.899.859	6.064.337.508	942.011.767	1.198.177.650.320
Khấu hao trong năm	13.200.109.775	34.637.518.044	1.881.985.641	535.117.561	45.370.944	50.300.101.965
Thanh lý	-	-	(551.989.122)	-	-	(551.989.122)
Xóa sổ	-	(230.478.136)	(242.454.545)	-	(2.968.421)	(475.901.102)
Số dư cuối năm	157.635.499.894	1.063.498.050.975	18.732.441.833	6.599.455.069	984.414.290	1.247.449.862.061
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	116.190.448.088	227.204.160.523	5.734.620.259	1.315.912.161	300.467.067	350.745.608.098
Số dư cuối năm	105.708.937.940	200.841.951.416	3.902.694.618	1.449.105.344	242.906.649	312.145.595.967



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 931.792 triệu VND (1/1/2023: 919.027 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 87.702 triệu VND (1/1/2023: 80.235 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Tăng trong năm	-	917.000.000	-	917.000.000
Số dư cuối năm	500.000.000	1.667.636.190	229.000.000	2.396.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	650.939.219	229.000.000	879.939.219
Khấu hao trong năm	-	176.378.687	-	176.378.687
Số dư cuối năm	-	827.317.906	229.000.000	1.056.317.906
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	99.696.971	-	599.696.971
Số dư cuối năm	500.000.000	840.318.284	-	1.340.318.284

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 797 triệu VND (1/1/2023: 797 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	4.060.363.160	4.419.644.204
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<hr/>	<hr/>
	6.468.024.160	6.827.305.204
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.968.532.867
Khấu hao trong năm	359.281.044
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.327.813.911
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.419.644.204
Số dư cuối năm	4.060.363.160
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

**Quyền
sử dụng đất
VND**

Số dư đầu năm và cuối năm 2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	393.352.508	3.854.940.071
Tăng trong năm	5.988.848.582	9.387.135.715
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.167.065.763)	(12.848.723.278)
Số dư cuối năm	215.135.327	393.352.508

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	24.900.332.644	8.946.791.293	13.842.373.364	6.911.750.773	54.601.248.074
Tăng trong năm	20.841.115.027	6.963.194.168	121.631.904	2.947.518.563	30.873.459.662
Phân bổ trong năm	(15.011.094.335)	(7.715.565.058)	(529.976.784)	(4.687.022.003)	(27.943.658.180)
Thanh lý	(2.265.974.222)	(50.440.277)	-	-	(2.316.414.499)
Phân loại lại	(809.695.291)	809.695.291	-	-	-
Số dư cuối năm	27.654.683.823	8.953.675.417	13.434.028.484	5.172.247.333	55.214.635.057

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.757.046.696	1.955.193.724
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	4.672.256.256	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.157.911.315	185.724.000
Công ty TNHH ASIA Packaging Industries (Việt Nam)	-	13.279.517.060
Các nhà cung cấp khác	25.682.241.494	12.513.888.689
	48.269.455.761	27.934.323.473

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.757.046.696	1.955.193.724
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	152.327.852

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phân loại lại trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	49.704.590.408	314.934.880.646	(165.645.340.340)	(164.216.870.472)	-	34.777.260.242
Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.364.196.925	905.940.006.250	-	(921.869.920.098)	-	89.434.283.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.680.679.809	39.733.960.872	-	(42.384.376.215)	-	25.030.264.466
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.124.076.655	8.947.764.043	-	(7.699.556.565)	57.255.900	2.429.540.033
Tiền thuê đất, thuế đất	-	5.671.320.491	-	(4.675.543.395)	505.265.400	1.501.042.496
Các loại thuế khác	212.811.539	1.100.377.745	-	(1.170.082.601)	-	143.106.683
	184.086.355.336	1.276.328.310.047	(165.645.340.340)	(1.142.016.349.346)	562.521.300	153.315.496.997

(*) Trong thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong năm có 2.222.861.778 VND liên quan đến thu nhập từ cổ tức của các cổ đông là cá nhân.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	10.085.286.765	10.025.945.684
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.748.597.570	5.598.505.073
Quỹ công tác xã hội	1.782.620.420	1.110.532.870
Phải trả ngắn hạn khác	6.410.285.748	7.682.901.631
	25.026.790.503	24.417.885.258

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	70.372.217.971	872.360.099.338	(813.732.317.309)	129.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	4% - 5%	40.000.000.000	67.939.333.848
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	3,5%	50.000.000.000	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	3,5%	19.000.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iv)	VND	3%	20.000.000.000	2.432.884.123
			<u>129.000.000.000</u>	<u>70.372.217.971</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 90.000 triệu VND và chịu lãi suất của Agribank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 69.756 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 80.235 triệu VND) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“BIDV”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 50.000 triệu VND và chịu lãi suất của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 17.946 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 67.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietinbank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không được đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 3 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng 25.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	8.889.034.923	7.948.755.743
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	27.258.925.000	26.771.185.000
Tăng khác	1.264.931.359	1.100.615.000
Sử dụng trong năm	(29.223.111.476)	(26.931.520.820)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.189.779.806	8.889.034.923

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.791.098.732	8.415.301.101	18.206.399.833
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(489.921.354)	-	(489.921.354)
Dự phòng sử dụng trong năm	(93.014.706)	(8.415.301.101)	(8.508.315.807)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.208.162.672	-	9.208.162.672

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014. Khoản dự phòng đã được sử dụng trong năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	298.466.480.000	12.234.693	85.122.415.191	170.492.718.603	554.093.848.487
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	184.734.743.197	184.734.743.197
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(26.771.185.000)	(26.771.185.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	9.024.341.643	(9.024.341.643)	-
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(902.434.163)	(902.434.163)
Cò tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	94.146.756.834	214.066.232.994	606.691.704.521
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	154.277.169.252	154.277.169.252
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(27.258.925.000)	(27.258.925.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	10.217.836.651	(10.217.836.651)	-
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.021.783.665)	(1.021.783.665)
Cò tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(134.309.916.000)	(134.309.916.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	104.364.593.485	195.534.940.930	598.378.249.108



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Nhóm Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Nhóm Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022 (2022: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021).

Tại cuộc họp ngày 4 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

Tại cuộc họp ngày 10 tháng 10 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.847 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHCD ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Nhóm Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty và Công ty con lần lượt là 9.021 triệu VND và 1.197 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (2022: 9.024 triệu VND).

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày thay đổi giá thuê	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	1.485.912.406	2.228.868.608
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2028	18.280.684.800	156.691.584
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2024	414.310.039	408.558.416
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2024	163.625.855	161.354.334
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2024	886.515.928	874.208.949
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2024	239.778.208	236.449.508
Lô đất 7	31-12-2048	31-12-2024	116.640.281	-
Lô đất 8	10-10-2036	31-5-2026	277.718.500	392.636.500
Lô đất 9	10-10-2036	9-10-2026	519.235.200	708.048.000
Lô đất 10	10-10-2036	5-3-2025	339.064.320	629.690.880
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.995.217.400	2.820.824.600
Lô đất 12	10-10-2036	31-5-2026	638.612.480	902.865.920
Lô đất 13	31-12-2048	31-12-2048	836.817.713	29.808.720
Xe	31-12-2024	31-12-2024	240.000.000	240.000.000
Văn phòng và nhà kho	31-12-2024	31-12-2024	72.000.000	72.000.000
Văn phòng 1	31-12-2024	31-12-2024	12.000.000	12.000.000
			26.518.133.130	9.874.006.019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	502	13.245.745	332	8.150.643
USD	45.556	1.096.990.542	53.124	1.243.960.113
		<u>1.110.236.287</u>		<u>1.252.110.756</u>

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2023 Số lượng	1/1/2023 Số lượng
Bia Lowen 330	Két	673	902

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.213.709.919.094	1.304.810.496.802
▪ Cung cấp dịch vụ	79.272.560.519	57.970.082.230
▪ Doanh thu khác	26.952.678.598	24.571.882.041
	<u>1.319.935.158.211</u>	<u>1.387.352.461.073</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	17.529.091	12.696.296
	<u>17.529.091</u>	<u>12.696.296</u>
	<u>1.319.917.629.120</u>	<u>1.387.339.764.777</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023	2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	956.996.066.683	1.000.462.196.742
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	14.116.317.168	8.628.703.061
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(205.608.887)
▪ Giá vốn khác	7.356.200.557	5.226.461.886
	978.468.584.408	1.014.111.752.802
	978.468.584.408	1.014.111.752.802

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	22.429.897.540	15.492.580.956
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.101.001	18.956.221
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.338.134	15.337.644
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	12.280.777
	22.504.336.675	15.539.155.598
	22.504.336.675	15.539.155.598

29. Chi phí bán hàng

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.178.132.270	11.030.372.882
Chi phí khấu hao và phân bổ	669.552.013	447.485.267
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	17.153.571.744	14.124.476.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.893.336.653	34.117.116.999
Chi phí bán hàng khác	14.724.082.783	14.723.660.455
	77.618.675.463	74.443.111.897
	77.618.675.463	74.443.111.897

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	41.642.039.301	39.091.700.740
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.921.882.785	3.751.125.408
Chi phí thuê	6.659.277.185	5.790.267.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.653.809.900	5.122.373.136
Chi phí quản lý khác	29.845.900.976	25.760.076.524
	87.722.910.147	79.515.542.917

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	778.905.856.025	851.187.709.676
Chi phí nhân công và nhân viên	132.660.445.218	125.471.295.611
Chi phí khấu hao và phân bổ	50.835.761.696	50.818.332.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.916.307.003	85.283.308.119
Chi phí khác	77.004.306.851	70.070.564.819

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	39.713.265.134	46.670.472.470
Dự phòng thiếu trong những năm trước	20.695.738	23.364.418
	39.733.960.872	46.693.836.888
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.647.652.337	177.561.781
	41.381.613.209	46.871.398.669

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	195.658.782.461	231.606.141.866
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	39.131.756.492	46.321.228.373
Chi phí không được khấu trừ thuế	593.559.942	587.062.382
Biến động các chênh lệch tạm thời	1.647.652.337	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	20.695.738	23.364.418
Thu nhập không bị tính thuế	(12.051.300)	(60.256.504)
	41.381.613.209	46.871.398.669

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023	2022
	VND	VND
		(Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	154.277.169.252	184.734.743.197
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(24.090.000.000)	(27.258.925.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	130.187.169.252	157.475.818.197

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)	2022 VND (Theo báo cáo trước)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.362	5.276	5.293

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	6.299.500.000	4.587.314.800
Cổ tức đã nhận	60.256.500	301.282.500
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	554.289.308.242	713.781.080.026
Giao dịch bán khác	1.049.851.459	292.339.155
Mua nguyên vật liệu	342.651.542.694	479.078.064.112
Cổ tức đã trả	43.278.133.500	33.660.770.500
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Chi phí sử dụng vỏ chai	-	244.274.739
Cung cấp dịch vụ	1.023.697.397	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	192.000.000	720.000.000
Bán hàng hóa khác	184.768.629	1.698.607.770
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco		
Mua công cụ dụng cụ	363.613.000	177.125.000
Mua dịch vụ	1.011.000.000	95.200.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	-	12.900.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	744.177.696	722.711.070
Ông Võ Thành Điền – Phó Tổng Giám đốc	495.039.948	480.759.972
Ông Vũ Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc (tới ngày 1/12/2023) kiêm Kế toán trưởng (tới ngày 1/7/2023)	453.786.619	480.759.972
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban	260.000.000	260.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	52.000.000	52.000.000

35. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2023	2022
	VND	VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	350.000.000	323.000.000
Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính	230.000.000	180.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 26 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc



Đắk Lắk, ngày 01 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Văn Dũng
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng CĐKT tại ngày 31/12/2023, Báo cáo KQKD năm 2023, Báo cáo LCTTGT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2023, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2023.

6.2 Các nội dung giải trình:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 phát sinh chênh lệch từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 giảm 16,5% so với cùng kỳ 2022 tương ứng 30,46 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do sản lượng tiêu thụ năm 2023 giảm 15,1 triệu lít so với cùng kỳ 2022, Công ty đã quản lý tốt định mức nguyên nhiên vật liệu trong khi chi phí, giá vật tư tăng cao hơn so với cùng kỳ 2022.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán để phục vụ việc Công bố thông tin theo quy định.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [https:// biasaigonmt.com](https://biasaigonmt.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: *Cul*

- Như trên
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Dũng